

Số: 132/2020/QĐST-DS

Thủ Đức, ngày 24 tháng 6 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 213 và Khoản 2 Điều 221 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ biên bản hòa giải thành ngày 16 tháng 6 năm 2020, các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 74/2019/TLST/DS ngày 17 tháng 01 năm 2019 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất” và “Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn”.

XÉT THẤY:

Sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Từ Nguyệt A, sinh năm: 1952

Địa chỉ: số nhà 479 đường Q, Khu phố I, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm: 1984

Địa chỉ: số nhà 09 Đường O, Khu phố X, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn:

1. Ông Dương Quốc X, sinh năm: 1972

2. Bà Nguyễn Ngọc L, sinh năm: 1978

Địa chỉ: số nhà 55/2 Đường V, Khu phố F, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ông Dương H, sinh năm: 1946

Địa chỉ: số nhà 479 đường Q, Khu phố I, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm: 1984

Địa chỉ: Địa chỉ: số nhà 09 Đường O, Khu phố X, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

II. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Bà Từ Nguyệt A, ông Dương H đồng ý giao quyền sử dụng đất có diện tích 93,6 m², là một phần trong tổng diện tích 1027 m² thuộc thửa 539, tờ bản đồ số 10 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 344670 của Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức cấp cho hộ ông Dương H ngày 25/9/1999 cho ông Dương Quốc X quản lý, sử dụng.

2. Xác định căn nhà có diện tích 104,9 m² thuộc một phần thửa số 34, tờ bản đồ số 78 (theo tài liệu năm 2005) tại địa chỉ 55/2 Đường V, Khu phố F, phường H, quận T là tài sản chung của ông Dương Quốc X và bà Nguyễn Ngọc L;

3. Ông Dương Quốc X được quyền sử dụng diện tích đất 93,6 m² và sở hữu nhà ở có diện tích 104,9 m² thuộc một phần thửa số 34, tờ bản đồ số 78 (theo tài liệu năm 2005) tại địa chỉ 55/2 Đường V, Khu phố F, phường H, quận T theo bản vẽ sơ đồ nhà đất ngày 23/11/2017 của Công ty TNHH thương mại dịch vụ xây dựng đo đạc Phan Gia (là một phần trong tổng diện tích 1027 m² thuộc thửa 539, tờ bản đồ số 10 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 344670 của Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức cấp cho hộ ông Dương H ngày 25/9/1999). Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà có tổng giá trị 986.348.100 (chín trăm tám mươi sáu triệu ba trăm bốn tám ngàn một trăm) đồng.

4. Ông Dương Quốc X có trách nhiệm thanh toán số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng, là giá trị căn nhà tại địa chỉ 55/2 Đường V, Khu phố F, phường H, quận T cho bà Nguyễn Ngọc L vào ngày 15/7/2020.

Sau khi thanh toán đủ tiền cho bà Nguyễn Ngọc L, ông Dương Quốc X được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà theo quy định.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu bên phải thi hành án không thi hành án, thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi theo quy định tại Điều 357 và Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 trên số tiền chưa thi hành tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

III. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Từ Nguyệt A thuộc đối tượng người cao tuổi nên được miễn án phí. Bà A được nhận lại số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng đã nộp theo biên lai thu số 0023432 ngày 17/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Dương Quốc X phải chịu 20.795.222 (hai mươi triệu bảy trăm chín lăm ngàn hai trăm hai hai) đồng, bà Nguyễn Ngọc L phải chịu 2.500.000 (hai triệu năm trăm ngàn) đồng, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

IV. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.T;
- CCTHADS Q.T;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Cao Thị Hiền Lữ